

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/DS-ST  
Ngày: 25-4-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Ngọc Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Tuấn

Bà Trần Thị Hằng Nga

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T1 (Tên viết tắt: V)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng B, Tòa nhà R, Số I, Đoàn Văn B, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lô Bằng G – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Trường G1, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà R, Số I, Đoàn Văn B, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (văn bản ủy quyền số 04/UQTA-XLTD.22 ngày 22/6/2022) (vắng mặt).

*Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Số B N, phường T, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Công ty T1 (VPB SMBC FC) do ông Trần Trường G1 đại diện trình bày: Vào ngày 13 tháng 6 năm 2019, bà Trần Thị Thanh k hợp đồng tín dụng số 20190614-0972009 vay Công ty T1 số tiền 36.925.000 đồng; lãi suất 3,92%/tháng, mục đích: mua phương tiện đi lại, đồ dùng, trang thiết bị gia đình, tổng số tiền bà T phải thanh toán cả gốc và lãi là 57.511.567 đồng; thời hạn vay là 24 tháng, 23 tháng đầu trả mỗi tháng 2.401.175 đồng, tháng thứ 24 trả 2.284.542 đồng. Ngày bắt đầu trả nợ là 12/7/2019.

Thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị T đã thanh toán cho Công ty T1 06 lần với tổng số tiền là 14.479.000 đồng. Kể từ ngày 14/12/2019 đến nay bà Trần Thị T không thanh toán nợ tiếp cho Công ty T1. Mặc dù Công ty T1 đã nhiều lần liên hệ nhắc nhở nhưng bà T trốn tránh không thực hiện trả nợ nên Công ty T1 khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thanh thanh t nợ gốc và lãi là 43.032.567 đồng (trong đó nợ gốc là 30.545.705 đồng, nợ lãi là 12.486.862 đồng).

Bị đơn bà Trần Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Thanh vắng m và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Trường G1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

*Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định bà Trần Thị T có vay Công ty T1 số tiền 36.925.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3,92%/tháng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân; tổng số tiền phải thanh toán gốc và lãi là 57.511.567 đồng, hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, phương thức trả nợ theo định kỳ hàng tháng, thời hạn vay là 24 tháng. Sau khi vay, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng F kỳ với tổng số tiền là 14.479.000 đồng, sau đó không thanh toán tiếp, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản. Nên yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 số tiền gốc và lãi là 43.032.567. Buộc bà Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Công ty T1 có đơn khởi kiện tranh chấp đối với bà Trần Thị T về yêu cầu trả số nợ trong hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bà Trần Thị T đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt. Trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của Công ty T1 đòi bà Trần Thị T trả nợ vay. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo hợp đồng tín dụng số 20190614-0972009 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện vào ngày 13/6/2019 bà Trần Thị T có vay Công ty T1 số tiền 36.925.000 đồng. Theo thỏa thuận, tổng số tiền bà T có nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng bao gồm cả gốc và lãi là 57.511.567. Hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, lãi suất vay là 3,92%/tháng, phương thức thanh toán: trả chậm liên tiếp trong thời hạn 24 tháng, trả theo kỳ hạn mỗi tháng.

Sau khi vay, bà Thanh thanh t cho Ngân hàng V 06 kỳ với số tiền 14.479.000 đồng, sau đó không tiếp tục trả theo kỳ hạn đã thỏa thuận, đã vi phạm kỳ hạn trả nợ kể từ ngày 14/12/2019 đến nay.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định cho bà T thể hiện việc Công ty T1 khởi kiện nhưng bà Thanh vắng m không có ý kiến, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với Công ty T1.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản nên yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 là có căn cứ, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 nợ gốc và nợ lãi là 43.032.567 đồng (trong đó nợ gốc là 30.545.705 đồng, nợ lãi là 12.486.862 đồng) theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng vay tài sản là có căn cứ.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 2.151.628 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho Công ty T1 do toàn bộ yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (VPB SMBC FC) đối với bà Trần Thị T.

Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 (VPB SMBC FC) số nợ vay bao gồm gốc và lãi là 43.032.567 đồng (Bốn mươi ba triệu, không trăm ba mươi hai ngàn, năm trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 26/4/2023, bà Trần Thị T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 20190614-0972009 ngày 13/6/2019 đã ký kết với Công ty T1 (VPB SMBC FC) cho đến khi thi hành xong số nợ trên.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh c 2.151.628 đồng (Hai triệu, một trăm năm mươi một ngàn, sáu trăm hai mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty T1 (VPB SMBC FC) số tiền tạm ứng án phí là 1.076.000 đồng (Một triệu, không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001916 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh LA;
- VKSND TPTA;
- Các đương sự;
- CCTHA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Ngọc Tuyền**



**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**







